

Bản án số: 316/2024/KDTM-PT
Ngày: 25/12/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn;
Ông Nguyễn Đức Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 165/2024/KDTM-TLPT ngày 17/7/2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân quận C.G, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 471/2024/QĐ-PT ngày 3/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần C

Địa chỉ trụ sở: Lô E1, E2 khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàn Ninh, huyện V Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đàm Quang T, Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh P; Địa chỉ: P609, CT3, COMA6, tổ dân phố số 6, phường Tây Mỗ, quận N T L, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 20/3/2023) và ông Phạm Quốc B; Địa chỉ: P1809, CT1, COMA6, tổ dân phố số 6, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 06/11/2023).

Bị đơn: Công ty cổ phần Tập đoàn T

Địa chỉ trụ sở: Tầng 3, tòa nhà Vimenco, lô E9 đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận C.G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sơn T, Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Khánh D (theo Giấy ủy quyền số 0908/2023/GUQ-T ngày 09/8/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/10/2019, Công ty Cổ phần C (Viết tắt là Công ty C) và Công ty Cổ phần Tập đoàn T (Viết tắt là Công ty T) đã ký hợp đồng thi công số: 146/2019/HĐTC/QN/T – C để thực hiện gói thầu: Kết cấu thép lam mái, cầu thang bộ và mái sảnh – thuộc dự án: T LUXURY HOTEL QUY NHON BEACH – Địa điểm: số 28, Nguyễn Huệ - TP. Q N – tỉnh Bình Định, có nội dung chính như sau:

Công ty T đồng ý giao cho bên Công ty C thực hiện công việc của gói thầu: Cung cấp và thi công lắp đặt kết cấu thép lam mái, cầu thang bộ và mái sảnh thuộc Dự án theo đúng bản vẽ thiết kế, bản vẽ thi công được bên A phê duyệt. Nội dung chính của hợp đồng như sau: *Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 kể từ ngày 15/11/2019 (ngày chuyển tiền tạm ứng); Tổng giá trị theo hợp đồng và phụ lục hợp: 14.697.216.970 đồng.*

Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, nên Công ty C đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận C.G và đề nghị giải quyết như sau:

Thứ nhất: Về khoản nợ của Công ty T đối với Công ty C

1. Đối với phụ lục hợp đồng số 01 và 05:

- Giá trị theo hợp đồng và phụ lục số **01** và **05** là: **12.640.358.760 đồng.**
- Giá trị quyết toán sau hoàn thành là: 11.723.039.923 đồng
- Số tiền công ty T đã thanh toán: 6.909.664.365 đồng
- Số tiền công ty T chưa thanh toán: **4.813.375.558 đồng**
- Số tiền lãi (tính từ ngày 30/04/2020 đến ngày 30/4/2022) là:
 $4.813.375.558 \text{ đ} \times 7,4\%/năm \times 731 \text{ ngày} \times 95\% = \mathbf{677.687.673 \text{ đồng}}$
- Số tiền lãi (tính từ ngày 30/04/2022 đến ngày 26/4/2024) là:
 $4.813.375.558 \text{ đ} \times 7,4\%/năm \times 728 \text{ ngày} = \mathbf{710.427.858 \text{ đồng}}$
- Tổng số tiền T nợ C cả gốc và lãi của phụ lục HĐ số 01 và 05 là:
 $4.813.375.558 \text{ đ} + 1.388.115.530 = \mathbf{6.201.491.088 \text{ đồng (1)}}$

Phụ lục hợp đồng số 01 và 05 đã hoàn thành nghiệm thu (có biên bản nghiệm thu kèm theo) và đã bàn giao đưa công trình vào sử dụng từ ngày 16/04/2020.

2. Đối với phụ lục hợp đồng số 06

- Giá trị theo phụ lục số 06 : **2.056.858.210 đồng**
- Giá trị hoàn thành theo HĐ : **2.307.253.960 đồng**
- Giá trị công việc chưa lắp đặt : **88.114.400 đồng**

- Giá trị quyết toán sau khi đối trừ : **2.219.139.560** đồng
- Số tiền công ty T đã thanh toán : **617.057.463** đồng
- Số tiền công ty T chưa thanh toán: **1.602.082.097** đồng
- Số tiền lãi (tính từ ngày 27/11/2020 đến ngày 26/4/2024) là:
 $1.028.439.105 \text{ đồng} \times 7.4\%/\text{năm} \times 1247 \text{ ngày} = \mathbf{260.003.783}$ đồng.
- Tổng số tiền T nợ C cả tiền gốc và lãi theo phụ lục HĐ số 06 là:
 $1.602.082.097 \text{ đồng} + 260.003.783 \text{ đồng} = \mathbf{1.862.085.880}$ đồng (2)

3. Tổng giá trị thực hiện hoàn thành theo hợp đồng số 146/2019/HĐTC/QN/T – C , phụ lục số 01,05,06: 14.029.173.074 đồng

Trong đó:

- Giá trị hoàn thành theo hợp đồng và phụ lục số 01: 9.765.826.919 đồng
- Giá trị hoàn thành theo phụ lục số 05 : 1.957.213.004 đồng
- Giá trị hoàn thành theo phụ lục số 06 : 2.307.253.960 đồng
- Tổng giá trị hoàn thành theo phụ lục số 01,05,06: **13.942.179.483 đồng**
- Giá trị bên T đã thanh toán cho bên Clà: **7.526.721.828 đồng**

Như vậy:

- * Số tiền gốc công ty T còn nợ C theo phụ lục số 01,05 và 06:
 $13.942.179.483\text{đ} - 7.526.721.827\text{đ} = \mathbf{6.415.457.655}$ đồng
- * Số tiền lãi bên T phải trả cho bên Clà: 1.648.119.314 đồng
- * Tổng số tiền mà bên T phải trả cho C tính đến ngày 26/4/2024 cả gốc và lãi là: $6.415.457.655 \text{ đồng} + 1.648.119.314 \text{ đồng} = \mathbf{8.063.576.969}$ đồng (Chín tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi chín đồng).

Đối với số tiền nợ gốc nêu trên đã được đối trừ những giá trị thuộc phần việc mà C chưa thực hiện hoàn thành theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại Bản tự khai trình bày:

1. Về quá trình thực hiện Hợp Đồng.

Ngày 25/10/2019, T Group và C đã ký Hợp Đồng Thi Công số 146/2019/HĐTC/QN/T-C gói thầu Kết cấu thép lam mái, cầu thang bộ và mái sảnh cho Dự án T Luxury Hotel Quy Nhơn Beach có địa chỉ: Số 28 đường Nguyễn Huệ, thành phố Q.N, tỉnh Bình Định (“Hợp Đồng 146”). Giá trị Hợp Đồng đã bao gồm thuế GTGT – VAT là: 11.248.211.755 VNĐ (Mười một tỉ hai trăm bốn mươi tám triệu hai trăm mười một nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng). Tiến độ thực hiện Hợp Đồng: Trong vòng 120 ngày kể từ ngày T Group bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho C. Ngày 25/05/2020, T Group và C ký bổ sung Phụ lục 05 của Hợp Đồng 146 bổ sung khối lượng hạng mục công việc thực hiện. Giá trị Phụ lục 05 đã bao gồm thuế GTGT – VAT là: 1.392.147.005 VNĐ (Một tỉ ba trăm chín mươi hai triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm linh năm đồng).

Tổng giá trị cộng dồn của Hợp Đồng 146 là: 12.640.358.760 VNĐ (Mười hai tỉ sáu trăm bốn mươi triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Thời gian thực hiện công việc: Theo tiến độ yêu cầu của T Group.

Ngày 06/07/2020, T Group và C ký bổ sung Phụ lục 06 của Hợp Đồng 146 bổ sung khối lượng hạng mục công việc thực hiện. Giá trị Phụ lục 06 đã bao gồm thuế GTGT – VAT là: 2.056.858.210 VNĐ (Hai tỉ không trăm năm mươi sáu triệu tám trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười đồng).

Tổng giá trị cộng dồn của Hợp Đồng 146 là: 14.697.216.970 VNĐ (Mười bốn tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

Tiến độ thi công: Tổng 70 ngày kể từ ngày nhận được tạm ứng, phê duyệt bản vẽ thi công, phê duyệt vật liệu.

Tính đến thời điểm C đệ trình các hồ sơ thanh toán và hồ sơ quyết toán gửi T thì C đã bị chậm tiến độ hoàn thành công việc so với tiến độ được quy định tại Hợp Đồng và Phụ lục Hợp Đồng đã ký.

2. Về quá trình thanh toán.

Thực hiện theo đúng quy định tại Hợp Đồng đã ký, Công ty T Group đã thực hiện thanh toán cho C các khoản thanh toán cụ thể như sau:

Tạm ứng theo Hợp Đồng 146: Căn cứ Điều 9.2 Hợp Đồng 146, T Group thực hiện tạm ứng cho C số tiền 25% Giá trị Hợp Đồng – chưa bao gồm thuế trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm Hợp Đồng có hiệu lực và nhận đủ hồ sơ tạm ứng của C. Số tiền tạm ứng: 2.556.411.763 VNĐ (Hai tỉ năm trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm mười một nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng). T Group đã thực hiện thanh toán cho C giá trị tạm ứng theo quy định Hợp Đồng vào ngày 15/11/2019 (*Có ủy nhiệm chi đính kèm*).

Thanh toán giá trị vật tư Lần 1: Ngày 10/01/2020, T Group nhận được Bộ Hồ sơ thanh toán giá trị vật tư đợt 1 của C kèm theo và Hóa đơn giá trị gia tăng, giá trị: 5.119.327.494 đồng và hồ sơ.

T Group đã thực hiện thanh toán giá trị vật tư đợt 1 cho C theo đúng quy định, cụ thể:

+ Giá trị hoàn thành đã bao gồm thuế GTGT – VAT: 5.119.327.494 VNĐ (Năm tỉ một trăm mười chín triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

+ Giá trị được thanh toán: 60% giá trị hoàn thành tương ứng số tiền 3.071.596.496 VNĐ (Ba tỉ không trăm bảy mươi một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó:

Khấu trừ giá trị tạm ứng: 25% giá trị hoàn thành tương ứng số tiền 1.279.831.873 VNĐ (Một tỉ hai trăm bảy mươi chín triệu tám trăm ba mươi một nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng).

Giá trị thanh toán còn lại: 1.791.764.623 VNĐ (Một tỉ bảy trăm chín mươi một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) đã được T Group thanh toán cho Ctheo hình thức chuyển khoản. Cụ thể:

Thanh toán số tiền 791.764.623 VNĐ (Bảy trăm chín mươi một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) vào ngày 17/01/2020 (Có ủy nhiệm chi đính kèm)

Thanh toán số tiền 1.000.000.000 VNĐ (Một tỉ đồng) vào ngày 13/02/2020 (Có ủy nhiệm chi đính kèm).

Thanh toán giá trị vật tư Lần 2:

Ngày 20/05/2020, T Group nhận được Bộ Hồ sơ thanh toán giá trị vật tư đợt 2 của Ckèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng, giá trị: 746.706.857 đồng và hồ sơ.

T Group đã thực hiện thanh toán giá trị vật tư đợt 2 cho Ctheo đúng quy định, cụ thể:

+ Giá trị hoàn thành đã bao gồm thuế GTGT – VAT: 746.706.857 VNĐ (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm linh sáu nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng).

+ Giá trị được thanh toán: 60% giá trị hoàn thành tương ứng số tiền 448.024.114 VNĐ (Bốn trăm bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi bốn nghìn một trăm mười bốn đồng). Trong đó:

Khấu trừ giá trị tạm ứng: 25% giá trị hoàn thành tương ứng số tiền 186.676.714 VNĐ (Một trăm tám mươi sáu triệu sáu bảy bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

Giá trị thanh toán còn lại: 261.347.400 VNĐ (Hai trăm sáu mươi một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) đã được T Group thanh toán cho Ctheo hình thức chuyển khoản vào ngày 18/06/2020 (Có ủy nhiệm chi đính kèm)

Thanh toán giá trị lắp đặt Đợt 1

Ngày 18/06/2020, T Group nhận được Bộ Hồ sơ thanh toán giá trị hoàn thành đợt 1 của Ckèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng, giá trị: 3.649.346.509 đồng và hồ sơ

- T Group đã thực hiện thanh toán giá trị lắp đặt đợt 1 cho Ctheo đúng quy định, cụ thể:

+ Giá trị hoàn thành đã bao gồm thuế GTGT – VAT: 3.649.346.509 VNĐ (Ba tỉ sáu trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm linh chín đồng).

+ Giá trị được thanh toán: 80% giá trị hoàn thành tương ứng số tiền 2.919.477.207 VNĐ (Hai tỉ chín trăm mười chín triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm linh bảy đồng). Trong đó:

Khấu trừ giá trị tạm ứng: 25% giá trị hoàn thành tương ứng số tiền 912.336.627 đồng.

Giá trị thanh toán còn lại: 2.000.140.580 VNĐ (Hai tỷ một trăm bốn mươi nghìn năm trăm tám mươi đồng) đã được T Group thanh toán cho C theo hình thức chuyển khoản và khấu trừ giá trị phạt tại công trường.

Thanh toán giá trị lắp đặt Đợt 2

Ngày 13/01/2021, T Group nhận được Bộ Hồ sơ thanh toán giá trị hoàn thành đợt 2 của C kèm theo Hóa đơn giá trị gia tăng, giá trị: 2.266.050.875 đồng và hồ sơ.

Ngày 05/12/2023: T Group thanh toán cho C số tiền 300.000.000 VNĐ (Ba trăm triệu đồng) (Có ủy nhiệm chi đính kèm).

Khấu trừ giá trị phạt vi phạm tại công trường đối với nhà thầu và chi phí điện, nước, nhân công vệ sinh số tiền: 58.397.635 VNĐ (Năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng).

Giá trị được thanh toán còn lại tương ứng số tiền: 1.276.876.517 VNĐ (Một tỉ hai trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm mười bảy đồng) sẽ được T Group thanh toán cho C sau khi Hoàn thiện hồ sơ thanh toán theo đúng quy định Hợp Đồng.

Tạm ứng theo Phụ lục 06 của Hợp Đồng 146

Căn cứ Điều 2.2 Phụ lục 06 của Hợp Đồng 146, T Group thực hiện tạm ứng cho C số tiền 30% tổng giá trị Phụ lục 06. Số tiền tạm ứng: 617.057.463 VNĐ (Sáu trăm mười bảy triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

T Group đã thực hiện thanh toán cho C giá trị tạm ứng theo quy định của Phụ Lục Hợp Đồng số 06 vào ngày 14/08/2020 (Có ủy nhiệm chi đính kèm).

Trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng số 146, mặc dù C đã chậm tiến độ thi công và có lỗi trong việc đảm bảo hồ sơ thanh toán theo đúng quy định Hợp Đồng, nhưng T Group vẫn luôn thanh toán đầy đủ cho C. Đối với khoản giá trị còn thiếu của Đợt thanh toán hoàn thành Lần 2 do C chưa hoàn thiện hồ sơ nên T Group chưa có cơ sở để hoàn tất việc thanh toán, do đó T Group không có sai phạm trong quá trình thanh toán các khoản nghĩa vụ đến hạn với C.

3. Về quá trình quyết toán Hợp Đồng

T Group chỉ có nghĩa vụ kiểm tra hồ sơ quyết toán khi C đệ trình hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định nêu trên, tuy nhiên kể từ từ thời điểm ký Hợp Đồng đến nay, T Group vẫn chưa nhận được bộ hồ sơ quyết toán do C đệ trình theo quy định trên, vì vậy T Group không có cơ sở để xem xét việc quyết toán giá trị Hợp Đồng.

Về việc xác nhận của các Bên liên quan tại hồ sơ quyết toán đệ trình: Hồ sơ quyết toán chỉ mới có chữ ký của đại diện C, chưa có ký xác nhận của đại diện tư vấn giám sát, đại diện ban quản lý dự án tương tự các hồ sơ thanh toán đệ trình trước đó.

Do đó T Group chưa có cơ sở để xem xét hồ sơ đệ trình và thực hiện thanh toán cho C.

Từ các căn cứ nêu trên, T Group nhận thấy các nội dung yêu cầu khởi kiện do Công ty C nêu tại Đơn khởi kiện là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân quận C.G đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn T về việc yêu cầu thanh toán tiền theo hợp đồng. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn T phải trả cho Công ty Cổ phần C số tiền còn nợ theo Hợp đồng thi công số 146/2019/HĐTC/QN/T – C, phụ lục 01, 02, 03, 04 ngày 25/10/2019; Phụ lục Hợp đồng số 05 ngày 25/5/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 06 ngày 6/7/2020, cụ thể:

- Số tiền nợ theo Phụ lục 01 – 05: 4.813.375.558 đồng.
- Số tiền nợ theo Phụ lục 06: 1.442.940.453 đồng.
- Tiền lãi chậm thanh toán theo Phụ lục 01 - 05: 1.388.115.531 đồng.
- Tiền lãi chậm thanh toán theo Phụ lục 06: 260.003.783 đồng.

Tổng cộng: **7.904.435.325 đồng** (Bảy tỷ chín trăm linh bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần C đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn T về giá trị chưa hoàn thiện phần mái sảnh của phụ lục 06 cụ thể: 159.141.644 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần Tập đoàn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 02/5/2024 bị đơn là Công ty Cổ phần tập đoàn T kháng cáo toàn bộ bản án với lý do Tòa án chưa xem xét đánh

giá khách quan toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bị đơn không vi phạm điều khoản về thanh toán và điều khoản quyết toán của hợp đồng. Nguyên đơn chưa hoàn thành các hồ sơ thanh toán từng lần và hồ sơ quyết toán theo quy định tại hợp đồng thi công. Số liệu nguyên đơn cung cấp là chưa chính xác do các số liệu, hồ sơ này chưa có sự xác nhận của đơn vị tư vấn giám sát nên không đảm bảo tính khách quan và chính xác của khối lượng công việc thực tế nguyên đơn đã thực hiện. Nguyên đơn chưa cung cấp đủ hồ sơ thanh toán từng lần và hồ sơ quyết toán theo quy định hợp đồng đã ký. Vì vậy chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn. Do đó không áp dụng quy định tính lãi trong trường hợp này.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/12/2024:

Các bên đương sự đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/12/2024:

Các đương sự thỏa thuận:

I. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Hai Bên thống nhất chấm dứt toàn bộ các công việc theo Hợp Đồng Thi Công số 146/2019/HĐTC/QN/T-Cký ngày 25/10/2019 giữa Công ty cổ phần Tập Đoàn T và Công ty cổ phần CGói thầu Kết cấu thép lam mái, cầu thang bộ và mái sảnh cho Dự án T Luxury Hotel Quy Nhon Beach có địa chỉ: Số 28 đường Nguyễn Huệ, thành phố Q.N, tỉnh Bình Định; Phụ Lục 05; Phụ Lục 06 và toàn bộ các Phụ lục, thỏa thuận đính kèm (nếu có) kể từ ngày ký Biên Bản ngày 19/12/2024 (“**Ngày chấm dứt Hợp Đồng**”). Theo đó, mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp Đồng Thi Công sẽ chấm dứt và được giải quyết theo nội dung Biên Bản Thanh Lý này.

II. THỎA THUẬN VỀ GIÁ TRỊ THANH TOÁN

1. Giá Trị Thanh Toán
 - Các Bên đồng ý xác nhận rằng, giá trị thanh toán Bên T phải thanh toán cho C cho toàn bộ khối lượng công việc Bên B đã thực hiện theo Hợp Đồng Thi Công số 146/2019/HĐTC/QN/T-Cký ngày 25/10/2019 giữa Công ty cổ phần Tập Đoàn T và Công ty cổ phần C Gói thầu Kết cấu thép lam mái, cầu thang bộ và mái sảnh cho Dự án T Luxury Hotel Quy Nhon Beach có địa chỉ: Số 28 đường Nguyễn Huệ, thành phố Q.N, tỉnh Bình Định; Phụ Lục 05; Phụ Lục 06 và các Phụ lục, thỏa thuận đính kèm (nếu có) là: 6.904.435.325 VNĐ (Sáu tỉ chín trăm linh bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) (“**Giá Trị Thanh Toán**”). Chi tiết Giá Trị Thanh Toán được quy định tại Bảng Giá Trị Thanh Toán quy định tại Khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:
 - Bảng Giá trị Quyết Toán

+ Bảng 1: Bảng Giá Trị Quyết Toán Hợp Đồng 146 và Phụ Lục 05

STT	Nội dung	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Giá trị Hợp Đồng số 146 + Phụ Lục Hợp Đồng số 05	12.640.358.760	
2	Giá trị Quyết Toán Hợp Đồng 146 + Phụ Lục 05 (Sau hoàn thành)	11.723.039.923	
3	Giá trị đã thanh toán	6.909.664.365	
4	Tiền lãi chậm trả	1.388.115.530	
5	Giá trị tiền lãi các Bên thống nhất miễn trừ	1.000.000.000	
6	Các Bên thống nhất Giá trị Bên A còn phải thanh toán cho Bên B của Hợp Đồng 146 và Phụ Lục 05 (“Giá Trị Thanh Toán”) ($6 = ((2+4)-3-5)$)	5.201.491.088	
<i>Bảng chữ: Năm tỉ hai trăm linh một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn không trăm tám mươi tám đồng.</i>			

+ Bảng 2: Bảng Giá Trị Quyết Toán Phụ Lục 06

STT	Nội dung	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Giá trị Phụ Lục Hợp Đồng số 06	2.056.858.210	
2	Giá trị Quyết Toán Phụ Lục 06 (Sau hoàn thành)	2.307.253.960	
3	Giá trị đã thanh toán	617.057.463	
4	Tiền lãi chậm trả	260.003.783	
5	Giá trị tiền lãi các Bên thống nhất miễn trừ	247.256.044	
6	Các Bên thống nhất Giá trị Bên A còn phải thanh toán cho Bên B của Phụ Lục 06 (“Giá Trị Thanh Toán”) ($6 = ((2+4)-3-5)$)	1.702.944.236	
<i>Bảng chữ: Một tỉ bảy trăm linh hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng.</i>			

2. Bên T và C nhất trí: T thanh toán cho C khoản giá trị thanh toán theo tiến độ sau:

- Đợt 1: T thanh toán cho C số tiền: 3.600.000.000 đồng (Ba tỉ sáu trăm triệu đồng) vào ngày 24/12/2024.
- Đợt 2: T thanh toán cho C số tiền còn lại 3.304.435.325 đồng (Ba tỉ ba trăm linh bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng)

trước ngày 30/01/2025. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà T chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, T phải chịu lãi suất chậm thanh toán cho thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự 2015 (Lãi suất áp dụng 10%/năm).

3. Án phí: Án phí Sơ thẩm và Phúc Thẩm hai Bên đồng ý để Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng xây dựng. Bị đơn là Công ty T có trụ sở tại: Tầng 3, Tòa nhà Vimenco, Lô E9 đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận C.G, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận C.G có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, không đồng ý bản án sơ thẩm, bị đơn là Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án. Đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty T trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn - Bị đơn (là người kháng cáo) đã thỏa thuận với nhau về khoản nợ và nghĩa vụ trả nợ, việc thỏa thuận này không trái với pháp luật, đạo đức xã hội được Hội đồng xét xử ghi nhận. Xác định Công ty Cổ phần tập đoàn T còn nợ và có nghĩa vụ phải trả Công ty Cổ phần C số tiền là: 6.904.435.325 đồng.

Do vậy, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận thỏa thuận của các đương sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Các Điều: 147, 148, 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân quận C.G, thành phố Hà Nội.

1. Công nhận sự thỏa thuận của Công ty cổ phần C với Công ty cổ phần Tập đoàn T. Xác định Công ty Cổ phần tập đoàn T còn nợ và tự nguyện trả Công ty Cổ phần Clà: 6.904.435.325 đồng. Cụ thể:

Đợt 1: Công ty Cổ phần tập đoàn T thanh toán cho Công ty cổ phần Csố tiền: 3.600.000.000 đồng (Ba tỉ sáu trăm triệu đồng). Hai bên xác nhận đã thanh toán số tiền này ngày 24/12/2024.

Đợt 2: Công ty Cổ phần tập đoàn T thanh toán cho Công ty cổ phần Csố tiền còn lại: 3.304.435.325 đồng (Ba tỉ, ba trăm linh bốn triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi lăm đồng) trước ngày 30/01/2025. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà Công ty Cổ phần tập đoàn T chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm thanh toán cho thời gian chậm trả theo mức lãi suất áp dụng 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần Tập đoàn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 114.904.435 đồng.

Hoàn trả Công ty Cổ phần Csố tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2020/0019409 ngày 8/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.G, Hà Nội.

Hoàn trả Công ty Cổ phần Tập đoàn T số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000674 ngày 21/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.G, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND quận C.G;
- VKSND quận C.G;
- CCTHADS quận C.G;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuấn